

Phần 1: Đề Thi

Câu 1: Đây không phải đặc điểm quan trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay:

- A. Có thể mạnh lâu dài để phát triển.
- B. Được phân bố rộng rãi trên cả nước.
- C. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- D. Có tác động đến sự phát triển các ngành khác.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm tự nhiên Nhật Bản?

- A. Đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.
- B. Phía bắc có khí hậu nhiệt đới, phía nam khí hậu cận xích đạo.
- C. Có nhiều núi lửa đang hoạt động.
- D. Nhật Bản là nước nghèo khoáng sản.

Câu 3: Tại sao nước ta phải áp dụng các hệ thống canh tác nông nghiệp khác nhau giữa các vùng?

- A. Do sự phân hoá của địa hình.
- B. Do sự đa dạng về sinh vật.
- C. Do sự phân hoá khí hậu.
- D. Do sông ngòi có chế độ nước theo mùa.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí VN trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Mơ Nông.
- B. Kon Tum.

C. Đắk Lắk.

D. Lâm Viên.

Câu 5: Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng về các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở nước ta?

- 1. Làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá ở vùng đồi núi.
- 2. ở đồng bằng cần canh tác hợp lí, chống glây hóa.
- 3. Bảo vệ đất gắn với bảo vệ rừng, giữ nguồn nước ở vùng đồi núi.
- 4. Cải tạo đồi núi trọc bằng các biện pháp nông lâm kết hợp.
- 5. Tăng cường tổ chức định canh, định cư cho đồng bào thiểu số.
- 6. Chống nhiễm mặn, nhiễm phèn đất nông nghiệp ở miền núi.
- 7. Chống ô nhiễm đất do chất thải công nghiệp chứa chất độc hại

A. 5

B. 3

C. 4

D. 6

Câu 6: Nhân tố có ý nghĩa quyết định tạo ra sự đa dạng các sản phẩm nông nghiệp nước ta:

A. Sông ngòi.

B. Địa hình.

C. Khí hậu.

D. Đất đai.

Câu 7: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy chỉ ra những tỉnh nào sau đây có GDP bình quân theo đầu người từ trên 15 đến 18 triệu đồng năm 2007?

A. Bắc Kạn, Hà Giang, Lai Châu.

B. Khánh Hoà, Đồng Nai, Quảng Ninh.

C. Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá.

D. Bến Tre, Tiền Giang, Long An.

Câu 8: Một trong những ảnh hưởng tích cực của quá trình đô thị hoá là

A. làm chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

B. tăng thu nhập cho người nông dân.

- C. tạo ra thị trường sức mua lớn.
- D. tạo việc làm cho người nước ngoài.

Câu 9: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, các tuyến đường ngang ở Bắc Trung Bộ là

- A. 7, 8, 9
- B. 1, 8, 9
- C. 1, 7, 8.
- D. 1, 7, 8.

Câu 10: Đối với ngành chăn nuôi nước ta, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?

- A. cơ sở thức ăn chăn nuôi không được đảm bảo.
- B. giống gia súc và gia cầm chất lượng chưa cao.
- C. dịch bệnh vẫn đe dọa lan tràn trên diện rộng.
- D. hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định.

Câu 11: Cho bảng số liệu: Giá trị xuất, nhập khẩu cucar Nhật Bản qua các năm (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	403,5	565,7
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	349,1	454,5

Nhận xét nào sau đây không đúng về tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990-2004?

- A. Giá trị nhập khẩu lớn hơn giá trị xuất khẩu
- B. Giá trị nhập khẩu tăng không liên tục
- C. Giá trị xuất khẩu tăng không liên tục
- D. Cán cân xuất nhập khẩu luôn dương

Câu 12: Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, vùng có tỉ lệ diện tích trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng trên 50% là

- A. Đông Nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ
- B. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên

- C. Trung du miền núi Bắc Bộ
- D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên

Câu 13: Việc điều tiết và quản lý tài nguyên nước của nước ta gặp nhiều khó khăn, một phần là do

- A. chế độ nước theo mùa, tạo thành một mùa lũ và một mùa cạn.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng phần lớn là sông nhỏ.
- C. sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
- D. sông ngòi nhận một lượng nước lớn từ các lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.

Câu 14: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam cho biết Vĩ tuyến 17 đi qua bao nhiêu tỉnh/ thành của nước ta?

- A. 1
- B. 4
- C. 2
- D. 3

Câu 15: Hoạt động công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc ở

- A. Đồng Bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải miền Trung.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 16: Những đặc điểm sau mô tả về bộ phận nào trên vùng biển của nước ta?

“Ở vùng này Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải và hàng không theo Công Ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”

- A. Vùng thềm lục địa
- B. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Vùng nội thủy
- D. Vùng đặc quyền kinh tế

Câu 17: Thảm thực vật và nhóm đất chủ yếu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở độ cao từ 600 m - 1700m là:

- A. Rừng nhiệt đới ẩm thường xanh và đất feralit trên đá vôi.
- B. Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất Đất mùn thô.
- C. Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển trên đất Đất feralit có mùn
- D. Rừng cận nhiệt đới gió mùa và Đất feralit trên đá badan

Câu 18: Đâu không phải là một thế mạnh của nguồn lao động nước ta?

- A. Nguồn lao động đông và tăng nhanh.
- B. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn ngày càng tăng.
- C. Nguồn lao động nước ta năng động, có tính kỷ luật và có tác phong công nghiệp cao.
- D. Người lao động nước ta cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất phong phú

Câu 19: Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT,
NĂM 1996 VÀ NĂM 2005. (Đơn vị: %)**

Trình độ		1996	2005
Đã qua đào tạo		12.3	25
Trong đó	Có chứng chỉ nghề sơ cấp	6.2	15.5
	Trung học chuyên nghiệp	3.8	4.2
	Cao đẳng, đại học và trên đại học	2.3	5.3
Chưa qua đào tạo		87.7	75

(Nguồn; Sách giáo khoa Địa lí lớp 12, NXB Giáo Dục, 2017)

Nhận xét nào dưới đây không đúng về sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo trình độ nước ta năm 1996 và 2000.

- A. Tỷ trọng lao động qua đào tạo có xu hướng tăng khá nhanh.
- B. Tỷ trọng lao động trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học tăng nhanh nhất.
- C. Tỷ trọng lao động có chứng chỉ nghề sơ cấp tăng nhanh nhất.
- D. Tỷ trọng lao động chưa qua đào tạo còn cao.

Câu 20: Cơ cấu sử dụng lao động nước ta có sự thay đổi mạnh mẽ trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ một cách hợp lí.
- B. năng suất lao động nâng cao.
- C. tác động của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và quá trình đổi mới.
- D. số lượng và chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao.

Câu 21: Dựa vào atlas địa lí Việt Nam trang 6-7, hãy cho biết các vịnh biển Hạ Long, Xuân Đài, Vân Phong, Quy Nhơn thuộc các tỉnh tương ứng theo thứ tự:

- A. Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ninh.
- B. Quảng Ninh, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định
- C. Quảng Ninh, Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên.
- D. Bình Định, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Phú Yên.

Câu 22: Cho bảng số liệu: Sản lượng dầu thô, than và điện của cộng hòa nhân dân Trung Hoa giai đoạn 2010-2015

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
Dầu thô (triệu tấn)	203	207	210	211	215
Than (triệu tấn)	3428	3945	3974	3874	3750
Điện (tỉ kwh)	4207	4988	5432	5650	5811

Để thể hiện sản lượng dầu thô, than và điện của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa giai đoạn 2010 –2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 23: Các nước Đông Nam Á nào sau đây có khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh?

- A. Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a.
- B. Việt Nam, Ma-lay-xi-a.

C. In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a.

D. Việt Nam, Mi-an-ma.

Câu 24: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của nước ta năm 2007, thứ tự từ nhỏ đến lớn lần lượt là

A. gia súc, sản phẩm không qua giết thịt, gia cầm

B. gia súc, gia cầm, sản phẩm không qua giết thịt

C. gia cầm, sản phẩm không qua giết thịt, gia súc

D. gia cầm, gia súc, sản phẩm không qua giết thịt

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Bình Thuận.

B. Bình Dương.

C. Bình Phước.

D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình tháng 10 của sông Mê Công gấp mấy lần sông Hồng?

A. 42.5 lần

B. 21.5 lần

C. 9.4 lần

D. 4.5 lần

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở miền Bắc thấp hơn nhiều so với miền Nam.

B. Nhiệt độ trung bình tháng VII trên cả nước đều cao

C. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Nam ra Bắc

D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian

Câu 28: Điểm khác nhau lớn nhất giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam là

- A. các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.
- B. các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.
- C. miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.
- D. miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.

Câu 29: Các biện pháp phát triển nông nghiệp Trung Quốc chủ yếu nhằm vào việc tạo điều kiện khai thác tiềm năng nào sau đây?

- A. Sức lao động của người dân và thị trường
- B. Nguồn vốn và sức lao động của dân cư
- C. Tài nguyên thiên nhiên và nguồn vốn
- D. Lao động và tài nguyên thiên nhiên

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Bản Vẽ được xây dựng trên sông nào?

- A. sông Mã.
- B. sông Ngân Sâu.
- C. sông Chu.
- D. sông Cả.

Câu 31: Tại sao những năm gần đây tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc đứng đầu thế giới?

- A. Thực hiện các kế hoạch 5 năm.
- B. Công cuộc đại nhảy vọt.
- C. Cuộc cách mạng văn hóa.
- D. Kết quả của công cuộc hiện đại hóa.

Câu 32: Tại sao trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta lại tăng cường chuyên môn hóa sản xuất và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn đối với Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long?

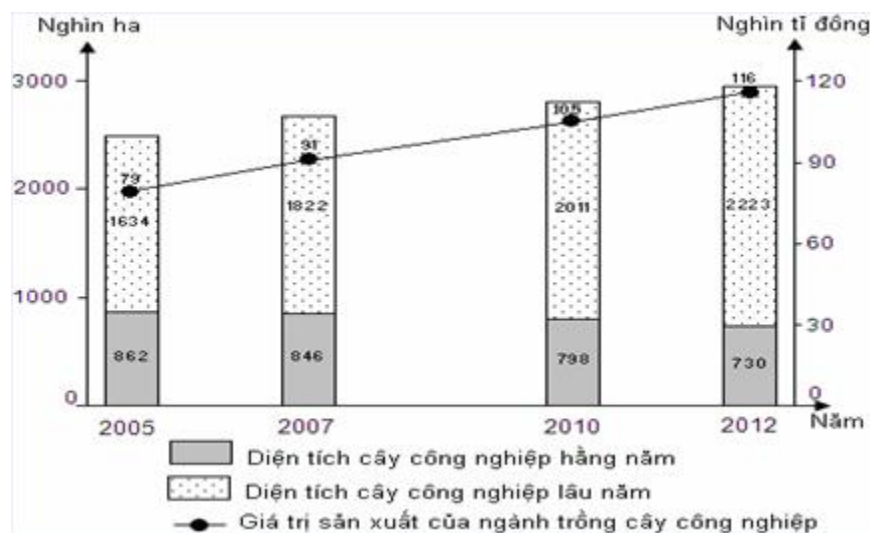
- A. Nằm trong sự quy hoạch của Nhà nước.

- B. Các vùng này có tiềm năng để sản xuất nông nghiệp hàng hóa.
- C. Các vùng này người dân có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- D. Các vùng này có dân số đông.

Câu 33: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, vùng có nhiều trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nhất là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận
- D. Đông Nam Bộ

Câu 34: Cho BD: diện tích và giá trị sản xuất ngành trồng cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 2005 - 2012



Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm giảm và lâu năm tăng, giá trị sản xuất tăng nhanh nhất.
- B. Diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm giảm và lâu năm giảm, giá trị sản xuất tăng.
- C. Diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm tăng và lâu năm giảm, giá trị sản xuất giảm.
- D. Diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm giảm và lâu năm tăng, giá trị sản xuất tăng chậm nhất.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc?

- A. Lào Cai, Na Mèo.
- B. Móng Cái, Tây Trang.
- C. Lào Cai, Hữu Nghị.
- D. Hữu Nghị, Na Mèo.

Câu 36: Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

- A. bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- B. nâng cao tay nghề cho lao động.
- C. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.
- D. nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào vừa có khu kinh tế cửa khẩu vừa có khu kinh tế ven biển?

- A. Quảng Trị
- B. Hà Tĩnh
- C. Thanh Hóa
- D. Nghệ An

Câu 38: Tại sao gió Tín phong chỉ có tác động rõ rệt ở nước ta vào các thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió?

- A. Gió mùa tây nam hoạt động thường xuyên
- B. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc
- C. Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt
- D. Hoạt động mạnh mẽ của các khối khí theo mùa

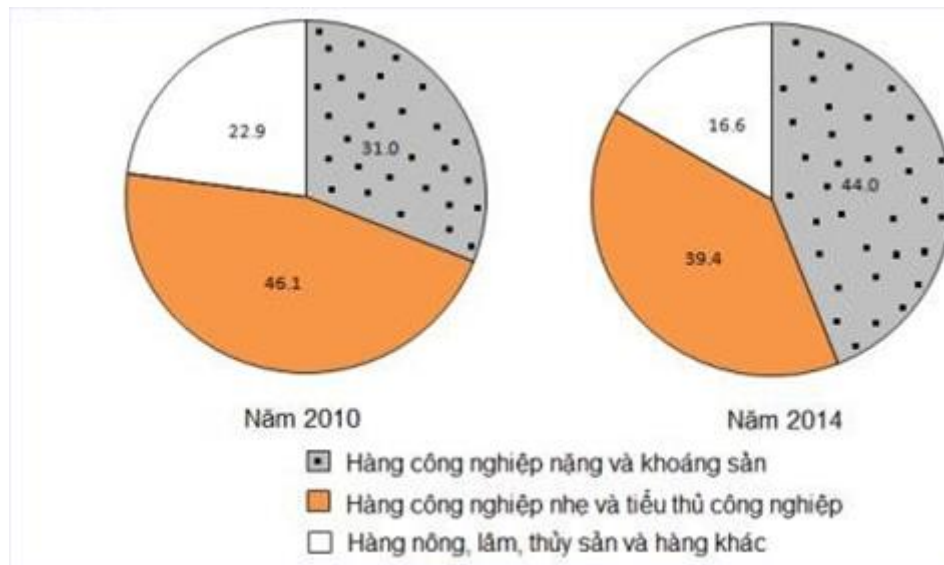
Câu 39: Biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ?

- A. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. Tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.
- C. Hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

D. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 40: Cho biểu đồ

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?



- A. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành của Việt Nam.
- B. Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của Việt Nam.
- C. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của Việt Nam.
- D. Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm hàng của Việt Nam.

===== HẾT =====

Phần 2: Đáp án

Sau khi làm xong bài thi, các em so sánh kết quả bài làm với đáp án dưới đây:

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	B	11	A	21	B	31	D
2	B	12	D	22	B	32	B
3	A	13	D	23	D	33	C
4	D	14	D	24	C	34	A
5	D	15	D	25	A	35	C
6	C	16	D	26	C	36	C
7	B	17	C	27	C	37	B

8	C	18	C	28	D	38	D
9	A	19	B	29	D	39	C
10	A	20	C	30	D	40	A

Mong rằng đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp án mã đề 316 này sẽ là tư liệu tham khảo giúp rèn luyện và nâng cao kỹ năng giải đề thi, nâng cao kiến thức cho bản thân để tự tin hơn khi bước vào kì thi chính thức.

Chúc các em đạt điểm cao.

Tham khảo thêm các bộ đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Địa có đáp án khác tại
<https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt/mon-dia-c12201>